

A. TRẮC NGHIỆM 4 LỰA CHỌN

1. NHẬN BIẾT

Câu 1: Hệ thống cơ khí động lực gồm những bộ phận nào?

- A. Nguồn động lực, hệ thống truyền lực
- B. Nguồn động lực, hệ thống truyền lực, máy công tác
- C. Nguồn động lực, máy công tác
- D. Máy công tác, hệ thống truyền lực

Câu 2: Máy công tác phức tạp (như một máy hoàn chỉnh) là

- A. Bánh xe ô tô
- B. Bánh xe máy
- C. Máy bơm nước
- D. Chân vịt tàu thủy

Câu 3: Hiện nay, nguồn động lực được sử dụng phổ biến là?

- A. Động cơ hơi nước
- B. Động cơ đốt trong
- C. Động cơ phản lực
- D. Động cơ thủy lực

Câu 4: Người làm công việc sản xuất, lắp ráp sản phẩm cơ khí động lực đòi hỏi phải đáp ứng yêu cầu:

- A. Tuân thủ quy trình và nội quy lao động
- B. Có trình độ cao
- C. Có sự sáng tạo
- D. Kỹ năng giao tiếp tốt

Câu 5: Người làm công việc bảo dưỡng, sửa chữa máy cơ khí động lực cần áp dụng yêu cầu:

- A. Có trình độ cao
- B. Có sự sáng tạo
- C. Có kỹ năng nghề nghiệp thành thạo
- D. Có tính tỉ mỉ

Câu 6: Những công việc nào là của bảo dưỡng kỹ thuật ô tô?

- A. Phục hồi chi tiết
- B. Thay mới
- C. Sửa chữa
- D. Vệ sinh

Câu 7: Thiết bị nào không thuộc máy cơ khí động lực?

- A. Máy cày
- B. Máy phát cỏ
- C. Máy biến áp
- D. Máy phát điện.

2. THÔNG HIỂU

Câu 1: Hệ thống cơ khí động lực gồm mấy bộ phận?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 2: Máy cơ khí động lực điển hình không được phân biệt thành loại phương tiện nào?

- A. ô tô và xe chuyên dụng
- B. Tàu thủy
- C. Máy bay
- D. Khinh khí cầu

Câu 3: Hộp số trên ô tô, xe máy thuộc bộ phận nào trong hệ thống (HT) cơ khí động lực?

- A. Nguồn động lực
- B. Máy công tác
- C. Hệ thống truyền lực
- D. Không thuộc HT cơ khí động lực

BÀI 16: Ngành nghề trong lĩnh vực cơ khí động lực

1. NHẬN BIẾT

Câu 1: Đâu không phải ngành nghề liên quan đến cơ khí động lực?

- A. Thiết kế kỹ thuật cơ khí động lực
- B. Sản xuất máy thiết bị cơ khí động lực

- C. Lắp ráp máy, thiết bị cơ khí động lực
- D. Bảo dưỡng, sửa chữa máy, thiết bị điện

Câu 2: Nghiên cứu thiết kế, phát triển sản phẩm cơ khí động lực là nhóm công việc nghiên cứu ứng dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực nào?

- A. Toán, Khoa học, Kỹ thuật.
- B. Toán, Vật lý, Kỹ thuật.
- C. Vật lý, Khoa học, Kỹ thuật.
- D. Toán, Khoa học, Vật lý.

Câu 3: Ngành nghề trong lĩnh vực cơ khí động lực đòi hỏi người làm phải có trình độ cao, sự sáng tạo, cẩn thận và tỉ mỉ?

- A. Thiết kế thời trang, kiến trúc.
- B. Sản xuất, lắp ráp sản phẩm cơ khí động lực
- C. Bảo dưỡng, sửa chữa máy cơ khí động lực
- D. Nghiên cứu thiết kế, phát triển sản phẩm cơ khí động lực

Câu 4: Đâu không phải ngành nghề liên quan đến cơ khí động lực?

- A. Thiết kế, chế tạo ô tô.
- B. Bảo dưỡng, sửa chữa điện thoại, máy vi tính
- C. Bảo dưỡng, sửa chữa xe máy
- D. Sản xuất, lắp ráp máy nông nghiệp.

2. THÔNG HIỂU

Câu 1: Nghề nghiệp của những người thực hiện công việc gia công, chế tạo, ... các máy móc, thiết bị thuộc lĩnh vực cơ khí động lực là?

- A. Thiết kế kỹ thuật cơ khí động lực
- B. Sản xuất máy thiết bị cơ khí động lực
- C. Lắp ráp máy, thiết bị cơ khí động lực
- D. Bảo dưỡng, sửa chữa máy, thiết bị cơ khí động lực

Câu 2: Nghề nghiệp của những người thực hiện công việc kiểm tra, chẩn đoán, sửa chữa, thay thế, điều chỉnh, ... các bộ phận của máy, thiết bị cơ khí động lực là?

- A. Thiết kế kỹ thuật cơ khí động lực
- B. sản xuất máy thiết bị cơ khí động lực
- C. Lắp ráp máy, thiết bị cơ khí động lực
- D. Bảo dưỡng, sửa chữa máy, thiết bị cơ khí động lực

Câu 3: Nghề nghiệp của những người thực hiện công việc xây dựng các bản vẽ, tính toán, mô phỏng, ... các sản phẩm máy móc, thiết bị thuộc lĩnh vực cơ khí động lực là?

- A. Thiết kế kỹ thuật cơ khí động lực
- B. Chế tạo máy thiết bị cơ khí động lực
- C. Lắp ráp máy, thiết bị cơ khí động lực
- D. Bảo dưỡng, sửa chữa máy, thiết bị cơ khí động lực

Câu 4: Công việc bảo dưỡng, sửa chữa máy cơ khí động lực thường được thực hiện bởi ai?

- A. Kỹ sư kỹ thuật cơ khí động lực
- B. Kỹ thuật viên kỹ thuật cơ khí động lực
- C. thợ lắp ráp máy cơ khí động lực
- D. thợ cơ khí và sửa chữa các thiết bị cơ khí động lực

Câu 5: Nghề nghiệp đòi hỏi kiến thức khoa học chuyên sâu về cơ khí và máy động lực là?

- A. Thiết kế kỹ thuật cơ khí động lực
- B. Sản xuất máy thiết bị cơ khí động lực
- C. Lắp ráp máy, thiết bị cơ khí động lực
- D. Bảo dưỡng, sửa chữa máy, thiết bị cơ khí động lực

Câu 6: Nghề nghiệp của những người thực hiện công việc lắp ráp các chi tiết, cụm chi tiết để tạo thành cụm lắp ráp hoặc máy hoàn chỉnh là?

- A. Thiết kế kỹ thuật cơ khí động lực
- B. Sản xuất máy thiết bị cơ khí động lực
- C. Lắp ráp máy, thiết bị cơ khí động lực
- D. Bảo dưỡng, sửa chữa máy, thiết bị cơ khí động lực

Câu 7: Công việc thiết kế kỹ thuật cơ khí động lực thường được thực hiện ở đâu?

- A. Phòng thiết kế của các viện nghiên cứu, nhà máy sản xuất
- B. Các phân xưởng, nhà máy sản xuất
- C. Các dây chuyền lắp ráp của nhà máy sản xuất
- D. Các trạm hoặc phân xưởng bảo dưỡng

Câu 8: Người làm nghề nào phải có kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng vận hành cũng như khả năng phán đoán để phát hiện các lỗi, hỏng hóc của máy, thiết bị và đưa ra được các phương án khắc phục là?

- A. Thiết kế kỹ thuật cơ khí động lực
- B. Sản xuất máy thiết bị cơ khí động lực
- C. Lắp ráp máy, thiết bị cơ khí động lực
- D. Bảo dưỡng, sửa chữa máy, thiết bị cơ khí động lực

Bài 17: Đại cương về động cơ đốt trong

A. TRẮC NGHIỆM 4 LỰA CHỌN

NHẬN BIẾT

Câu 1: Động cơ đốt trong là:

- A. Động cơ nhiệt
- B. Động cơ điện
- C. Động cơ rung
- D. Động cơ giảm tốc

Câu 2: Quá trình chuyển hóa năng lượng trong động cơ đốt trong

- A. Nhiên liệu (hóa năng) đốt cháy (nhiệt năng) giãn nở sinh công (cơ năng)
- B. Nhiên liệu (hóa năng) giãn nở sinh công (cơ năng) đốt cháy (nhiệt năng)
- C. Giãn nở sinh công (cơ năng) Nhiên liệu (hóa năng) đốt cháy (nhiệt năng)
- D. Giãn nở sinh công (cơ năng) đốt cháy (nhiệt năng) Nhiên liệu (hóa năng)

Câu 3: Cấu tạo động cơ đốt trong gồm những cơ cấu nào?

- A. Cơ cấu trục khuỷu thành truyền và cơ cấu tay quay con trượt
- B. Cơ cấu tay quay thanh lắc và cơ cấu tay quay con trượt
- C. Cơ cấu trục khuỷu thành truyền và cơ cấu phối khí
- D. Cơ cấu tay quay thanh lắc và cơ cấu phối khí

Câu 4: ‘Trong các te của động cơ đốt trong có chứa:

- A. Dầu bôi trơn
- B. Xăng
- C. Diesel
- D. Gas

Câu 5: Động cơ đánh lửa dùng cho loại động cơ đốt trong nào?

- A. Động cơ xăng
- B. Động cơ Diesel
- C. Động cơ gas
- D. Động cơ 4 kì

Câu 6: Bộ phận nào trong động cơ đốt trong dùng để đóng mở cửa thải

- A. Bu gi
- B. Xu páp nạp
- C. Xu páp thải
- D. Pít tông

Câu 7: Động cơ đốt trong có khả năng:

- A. Biến nhiệt năng thành cơ năng
- B. Biến điện năng thành cơ năng
- C. Biến điện năng thành nhiệt năng
- D. Biến nhiệt năng thành điện năng

THÔNG HIỂU

Câu 1: Chọn phát biểu sai?

- A. Động cơ đốt trong là động cơ nhiệt
- B. Động cơ đốt ngoài là động cơ nhiệt
- C. Động cơ nhiệt là động cơ đốt trong
- D. Động cơ nhiệt chưa chắc là động cơ đốt trong

Câu 2: Động cơ đốt trong là động cơ nhiệt mà quá trình đốt cháy nhiên liệu sinh nhiệt và quá trình biến đổi nhiệt năng thànhdiễn ra trong xi lanh của động cơ

- A. Điện năng
- B. Công cơ học
- C. Quang năng
- D. Năng lượng

Câu 3: Trong động cơ đốt trong, sự giãn nở của khí ở nhiệt độ và áp suất cao do quá trình đốt cháy tác dụng lực lên pít tông. Lực này thông qua cơ cấu tay quay – con trượt biến chuyển động của pít tông thành chuyển độngcủa trục khuỷu động cơ

- A. Quay – tịnh tiến
- B. Tịnh tiến – quay
- C. Tịnh tiến – lắc
- D. Lắc – quay

Câu 4: Phân loại theo nhiên liệu sử dụng có những loại động cơ đốt trong nào?

- A. Động cơ 4 kì, động cơ 2 kì
- B. Động cơ xăng, động cơ Diesel, động cơ gas
- C. Động cơ thẳng hàng, động cơ chữ V, động cơ hình sao
- D. Động cơ đốt ngoài, động cơ đốt trong

Câu 5: Ở ĐCĐT quá trình biến đổi nhiệt năng thành công cơ học diễn ra ở đâu?

- A. Trong xilanh của động cơ
- B. Ngoài xilanh của động cơ
- C. Tại pít tông của động cơ
- D. Tại buồng áp suất của động cơ.

Câu 6: Phân loại theo số hành trình của pít tông trong một chu trình làm việc, ĐCĐT được chia thành mấy loại?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 7: Cấu tạo của ĐCĐT gồm mấy cơ cấu?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 8: Cấu tạo của ĐCĐT gồm mấy hệ thống chính?

- A. 4
- B. 3
- C. 6
- D. 5

Bài 18: Nguyên lý làm việc của động cơ đốt trong

A. TRẮC NGHIỆM 4 LỰA CHỌN

1. NHẬN BIẾT

Câu 1: Khái niệm điểm chết dưới?

- A. Là điểm chết mà tại đó pít tông ở gần tâm trục khuỷu nhất.
- B. Là điểm chết mà tại đó pít-tông ở xa tâm trục khuỷu nhất.
- C. Là vị trí mà tại đó pít tông đổi chiều chuyển động
- D. Không xác định được

Câu 2: Mối quan hệ giữa hành trình pít tông và bán kính trục khuỷu là:

- A. $S = R$
- B. $S = 2R$
- C. $R = 2S$
- D. $S = 3R$

Câu 3: Khái niệm hành trình pít-tông?

- A. Là quãng đường pít-tông đi được giữa 2 điểm chết
- B. Là quãng đường pít-tông đi được trong một chu trình
- C. Là quãng đường mà pít-tông đi được khi trục khuỷu quay 1 vòng 3600.
- D. Là quãng đường mà pít-tông đi được khi trục khuỷu quay 7200.

Câu 4: Khái niệm điểm chết?

- A. Là điểm chết mà tại đó pít-tông ở gần tâm trục khuỷu nhất.

- B. Là điểm chết mà tại đó pit-tông ở xa tâm trục khuỷu nhất.
- C. Là vị trí mà tại đó pit-tông đổi chiều chuyển động
- D. Không xác định được

Câu 5: Tỷ số nén của động cơ Diesel như thế nào so với động cơ xăng?

- A. Như nhau
- B. Cao hơn
- C. Thấp hơn
- D. Không xác định

Câu 6: Đối với động cơ Diesel 4 kì, kì số 2 có tên là gì?

- A. Kì nạp
- B. Kì nén
- C. Kì nổ
- D. Kì thải

Câu 7: Chọn phát biểu sai: Hành trình pít tông là?

- A. Là quãng đường mà pít tông đi được từ điểm chết trên xuống điểm chết dưới.
- B. Là quãng đường mà pít tông đi được từ điểm chết dưới lên điểm chết trên
- C. Là quãng đường mà pít tông đi được trong một chu trình
- D. Là quãng đường mà pít tông đi được giữa hai điểm chết

Câu 8: Chu trình làm việc của động cơ gồm các quá trình:

- A. Nạp, nén, cháy, thải
- B. Nạp, nén, dẫn nổ, thải
- C. Nạp, nén, thải
- D. Nạp, nén, nổ, thải

Câu 9: Tỷ số nén là?

- A. Tỷ số giữa thể tích buồng cháy và thể tích toàn phần
- B. Tỷ số giữa thể tích toàn phần và thể tích buồng cháy
- C. Tỷ số giữa thể tích công tác và thể tích buồng cháy
- D. Tỷ số giữa thể tích toàn phần và thể tích công tác

Câu 10: Lượng nhiên liệu tiêu thụ để tạo ra một đơn vị công suất của động cơ trong một đơn vị thời gian là:

- A. Công suất có ích
- B. Hiệu suất của động cơ
- C. Suất tiêu thụ nhiên liệu có ích
- D. Mô men có ích

2. THÔNG HIỂU

Câu 1: Động cơ đốt trong có mấy loại điểm chết?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 2: Động cơ xăng 2 kì có mấy cửa khí?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 3: Đặc điểm nào sau đây là của động cơ 2 xăng kì?

- A. Có xupap nạp
- B. Có xupap thải
- C. Có 3 cửa khí
- D. Có xupap nạp và xupap thải

Câu 4: Ở động cơ xăng 2 kì, hòa khí qua cửa nạp vào đâu?

- A. Vào xilanh
- B. Vào cacte
- C. Vào xilanh hoặc cacte
- D. Không xác định

Câu 5: Ở động cơ Diesel 4 kì, xupap nạp mở ở kì nào?

A. Kì 1

B. Kì 2

C. Kì 3

D. Kì 4

Câu 6: Chọn đáp án sai: Pit-tông được trục khuỷu dẫn động ở kì nào?

A. Kì nạp

B. Kì nén

C. Kì nổ

D. Kì thải

Câu 7: Ở động cơ xăng 4 kì, xupap thải mở ở kì nào?

A. Kì nạp

B. Kì nén

C. Kì nổ

D. Kì thải

Câu 8: Chi tiết nào sau đây không thuộc cấu tạo động cơ Diesel 4 kì?

A. Bugi

B. Pít tông

C. Trục khuỷu

D. Vòi phun

Câu 9: Trong nguyên lý làm việc của động cơ xăng 4 kì, ở kì nạp khí nạp vào xilanh là:

A. Không khí

B. Hòa khí

C. Xăng dưới dạng sương mù

D. Khí

cháy

Câu 10: Kết thúc một chu trình làm việc của động cơ 4 kì, trục khuỷu quay được mấy vòng?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 11: Ở động cơ 2 kì, bộ phận nào đóng mở các cửa khí của động cơ?

A. Xupap

B. Xéc măng

C. Đũa đẩy

D. Pít tông

Bài 19: Các cơ cấu trong động cơ đốt trong

Câu 1: Cơ cấu trục khuỷu thanh truyền có bộ phận nào?

A. Pít tông, thanh truyền, trục khuỷu, bánh đà, thân máy, nắp máy

B. Pít tông, thanh truyền, trục khuỷu, bánh đà, xupap

C. Pít tông, thanh truyền, trục khuỷu, bánh đà

D. Pít tông, thanh truyền, trục khuỷu

Câu 2: Phát biểu nào sau đây sai?

A. Thân máy là chi tiết cố định

B. Nắp máy là chi tiết cố định

C. Thân máy và nắp máy là chi tiết cố định

D. Thân máy là chi tiết cố định, nắp máy là chi tiết chuyển động

Câu 3: Các chi tiết nào dưới đây cùng với xilanh và đỉnh piston tạo thành buồng cháy của động cơ?

A. Piston

B. Thanh truyền

C. **Nắp máy**

D. Thân xilanh

Câu 4: Cánh tản nhiệt được bố trí ở vị trí nào?

A. Thân xilanh của động cơ làm mát bằng nước

B. Cacte của động cơ làm mát bằng nước

C. Cacte của động cơ làm mát bằng không khí

D. Nắp máy của động cơ làm mát bằng không

khí

Câu 5: Trong thân máy, phần để lắp xilanh gọi là gì?

A. Bulông

B. Gugiông

C. Nắp xi lanh

D. **Thân xi lanh**

Câu 6: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống

....(1).... cùng với(2).... và(3).... tạo thành buồng cháy của động cơ.

A. (1) thân máy, (2) nắp máy, (3) xilanh

B. (1) thân máy, (2) xilanh, (3) đỉnh pít tông

C. (1) nắp máy, (2) xilanh, (3) pít tông

D. (1) nắp máy, (2) xilanh, (3) đỉnh pít tông

Câu 7: Chi tiết nào không được bố trí trên nắp máy?

A. Bugi

B. Áo nước

C. Cánh tản nhiệt

D. **Trục khuỷu**

Câu 8: Thân xilanh của động cơ làm mát bằng nước có chứa gì? Chọn đáp án đúng nhất:

A. Khoang chứa nước

B. Áo nước

C. Cánh tản nhiệt

D. **Khoang chứa nước hay còn gọi là áo nước**

Câu 9: Ở động cơ 4 kì, trục khuỷu và trục cam truyền động theo tỉ số truyền là bao nhiêu?

A. 0

B. 1

C. 2

D. 1/2

Câu 10: Phát biểu nào sau đây đúng:

A. Xilanh của động cơ luôn chế tạo rời thân xilanh

B. Xilanh của động cơ luôn chế tạo liền thân xilanh

C. Xilanh của động cơ có thể chế tạo rời hoặc đúc liền thân xilanh

D. Xilanh của động cơ đặt ở cacte

BÀI 20: CÁC HỆ THỐNG TRONG ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG

Câu 1: Hệ thống bôi trơn có nhiệm vụ đưa dầu bôi trơn đến các của các chi tiết để làm giảm ma sát, mài mòn và tăng của các chi tiết máy.

- A. tuổi thọ - bề mặt ma sát - thực hiện làm mát
- B. bề mặt ma sát - tuổi thọ - thực hiện bôi trơn
- C. bề mặt ma sát - thực hiện bôi trơn - tuổi thọ
- D. bề mặt ma sát - thực hiện làm mát - tuổi thọ

Câu 2: Nhiệm vụ của hệ thống đánh lửa?

- A. Tạo tia lửa điện cao áp đúng thời điểm
- B. Tạo tia lửa điện hạ áp đúng thời điểm
- C. Tạo tia lửa điện cao áp để đốt cháy hòa khí trong xilanh động cơ đúng thời điểm
- D. Tạo tia lửa điện cao áp để đốt cháy xăng đúng thời điểm

Câu 3: Bộ chế hòa khí ở động cơ xăng dùng để:

- A. Cấp xăng và không khí cho động cơ
- B. Cấp hòa khí sạch, đúng nồng độ cho động cơ
- C. Trộn xăng và không khí đúng nồng độ
- D. Đưa xăng vào xylanh khi cần

Câu 4: Hệ thống làm mát bằng nước có chi tiết đặc trưng nào?

- A. Trục khuỷu
- B. Áo nước
- C. Cánh tản nhiệt
- D. Bugi

Câu 5: Nhiệm vụ của hệ thống nhiên liệu trong động cơ Diesel là:

- A. Cung cấp nhiên liệu vào xilanh
- B. Cung cấp không khí vào xilanh
- C. Cung cấp nhiên liệu và không khí vào xilanh
- D. Cung cấp nhiên liệu và không khí sạch vào xilanh

Câu 6: Hệ thống làm mát bằng không khí có chi tiết đặc trưng nào?

- A. Trục khuỷu
- B. Vòi phun
- C. Cánh tản nhiệt
- D. Bugi

BÀI 21: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ Ô TÔ

Câu 1: Phương tiện giao thông đường bộ, có từ 4 bánh xe trở lên, dùng để chuyên chở người, hàng hóa hoặc thực hiện nhiệm vụ riêng là?

- A. Xe máy
- B. Ô tô
- C. Tàu hỏa
- D. Máy bay

Câu 2: Bộ phận nào của ô tô có chức năng dùng để điều khiển chuyển hướng chuyển động của ô tô?

- A. Hệ thống truyền lực
- B. Hệ thống lái
- C. Hệ thống treo
- D. Hệ thống phanh

Câu 3: Vai trò của ô tô trong đời sống là?

- 1. Chở nhiều người và hàng hóa đi trên nhiều địa hình khác nhau
- 2. Phục vụ các công việc đặc thù như cứu hỏa, cứu thương, truyền hình, ...
- 3. Vận chuyển hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng
- 4. Vận chuyển nguyên vật liệu từ nơi khai thác đến nơi sản xuất

- A. 1, 2, 3
- B. 1, 2
- C. 3, 4
- D. 2, 3, 4

Câu 4: Ô tô con thuộc nhóm nào?

- A. Nhóm ô tô chở người
- B. Nhóm ô tô chở hàng hóa
- C. Nhóm ô tô chuyên dụng
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 5: Vai trò của ô tô trong sản xuất là?

- 1. Chở nhiều người và hàng hóa đi trên nhiều địa hình khác nhau
- 2. Phục vụ các công việc đặc thù như cứu hỏa, cứu thương, truyền hình, ...
- 3. Vận chuyển hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng
- 4. Vận chuyển nguyên vật liệu từ nơi khai thác đến nơi sản xuất

- A. 1, 2, 3
- B. 1, 2
- C. 3, 4
- D. 2, 3, 4

Câu 6: Ô tô tải thùng cố định thuộc nhóm nào?

- A. Nhóm ô tô chở người
- B. Nhóm ô tô chở hàng hóa
- C. Nhóm ô tô chuyên dụng
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 7: Các phần chính của ô tô là?

- A. Phần động cơ, hệ thống truyền lực, hệ thống treo, hệ thống lái, hệ thống phanh
- B. Phần động cơ, hệ thống truyền lực, hệ thống treo, bánh xe, hệ thống lái, hệ thống phanh
- C. Phần động cơ, hệ thống truyền lực, hệ thống treo, hệ thống lái, hệ thống phanh, vỏ xe
- D. Phần động cơ, hệ thống truyền lực, hệ thống treo, bánh xe, hệ thống lái, hệ thống phanh, vỏ xe

Câu 8: Theo nguồn động lực làm ô tô chuyển động, ô tô được chia làm?

- A. Ô tô sử dụng động cơ đốt trong, ô tô sử dụng động cơ điện
- B. Ô tô sử dụng động cơ đốt trong, ô tô chở hàng hóa, ô tô chuyên dụng
- C. Ô tô sử dụng động cơ đốt trong, ô tô sử dụng động cơ điện, ô tô chuyên dụng
- D. Ô tô chở người, ô tô chở hàng hóa, ô tô chuyên dụng

TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1: Một nhóm học sinh thảo luận về nguyên lý hoạt động của động cơ đốt trong, mỗi người đưa ra một ý kiến.

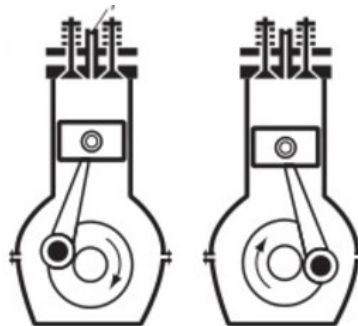
- a) Pit-tông được trục khuỷu dẫn động ở kì nạp; kì nén; kì thải
- b) Ở động cơ xăng 4 kì, xupap thải mở ở kì thải
- c) Kì 3 được gọi là kì sinh công trong động cơ 4 kì
- d) Cuối kì nén, ở động cơ Diesel diễn ra quá trình bật tia lửa điện

Câu 2: Một nhóm học sinh thảo luận về các điểm chết của pít tông, mỗi người đưa ra một ý kiến.

- a) Điểm chết là vị trí mà tại đó pít tông đổi chiều chuyển động
- b) Điểm chết trên là điểm chết mà tại đó pít tông ở gần tâm trục khuỷu nhất
- c) Điểm chết dưới là điểm chết mà tại đó pít tông ở xa tâm trục khuỷu nhất
- d) Hành trình pít tông là quãng đường mà pít tông đi được từ điểm chết trên xuống điểm chết dưới.

Câu 3. Cho hình vẽ bên dưới và các phát biểu nói về cấu tạo và nguyên lí làm việc của động cơ đốt trong. Phát biểu nào đúng – sai?

- a) Hình 1 là kì nổ, hình 2 là kì nén của động cơ 4 kì.
- b) Hình vẽ là sơ đồ nguyên lí của động cơ 4 kì.
- c) Một chu trình làm việc của động cơ 4 kì được thực hiện trong 2 hành trình của pít tông.
- d) Ở kì nạp, khí nạp vào xilanh đối với động cơ diesel 4 kì là không khí, với động cơ xăng 4 kì là hoà khí.



Hình 1

Hình 2

Câu 4. Cho các phát biểu sau về các cách khởi động động cơ đốt trong. Phát biểu nào đúng – sai?

- a) Hệ thống khởi động bằng động cơ điện thường dùng để khởi động cho động cơ xăng có công suất nhỏ và trung bình.
- b) Hệ thống khởi động bằng tay thường dùng để khởi động động cơ có công suất nhỏ.
- c) Hệ thống khởi động bằng động cơ phụ thường dùng để khởi động động cơ diesel cỡ trung bình.
- d) Hệ thống khởi động bằng khí nén thường dùng để khởi động động cơ diesel cỡ nhỏ.

PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1: Để phù hợp với các môi trường hoạt động khác nhau thì hệ thống cơ khí động lực được phân biệt thành các loại phương tiện cơ giới nào? nêu khái niệm từng loại?

Câu 2: Hệ thống cơ khí động lực là gì? Nêu vai trò của hệ thống cơ khí động lực trong sản xuất và đời sống xã hội.

Câu 3: Tại sao chúng ta cần phải thường xuyên thay nhớt định kì khi sử dụng các loại xe?